

Bản án số: **74/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 28.11.2019

V/v: *Tranh chấp Ly hôn*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐÔNG ĐA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Việt Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Thanh

Bà Nguyễn Quỳnh Thơ

-Thư ký phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Hạnh-Thư ký Tòa án nhân dân quận Đông Đa

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đông Đa tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên

Trong các ngày 25 và 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đông Đa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 740/2019/HNGĐST ngày 13 tháng 9 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 189/2019/QĐXX-ST ngày 24 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 330/2019/QĐHPT ngày 14 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan H N- sinh năm 1971 (*Có mặt tại phiên tòa*).

Đăng ký hộ khẩu thường trú: A TT B, phường C, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Cư trú tại: số A ngõ B đường C, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Anh Vũ V T- sinh năm 1971 (*Có mặt tại phiên tòa*).

Đăng ký hộ khẩu thường trú: A TT B, phường C, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Cư trú tại: số A ngõ B đường C, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Phan H N trình bày:***

Tôi và anh Vũ V T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội ngày 21.12.1999. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống tại số A ngõ B đường C, phường D, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội cho đến nay.

Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc nguyên nhân do anh T cờ bạc, rượu chè, ngoại tình, không quan tâm đến gia đình. Chúng tôi có 02 con trai trong đó có một cháu bị tăng động nhẹ nên tôi phải nghỉ làm ở nhà chăm con và gia đình, anh T làm việc ở Hòa Bình đã quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, để tôi một mình gánh vác gia đình. Thời gian gần đây, anh T chuyển về Hà Nội làm việc, con đã lớn nên tôi tranh thủ đi làm thêm thì anh T cấm đoán không cho tôi đi làm bằng việc anh T ngồi canh ở trước cửa, giấu chìa khóa xe máy để không cho tôi ra ngoài. Anh T có những lời nói, hành động xúc phạm tôi như: trước mặt các con nói tôi ăn cắp của anh T 20 triệu đồng, mỗi lần vợ chồng cãi nhau thì anh T lại không đưa tiền chi T sinh hoạt trong gia đình. Từ khi tôi nộp đơn xin ly hôn với anh T ra Tòa án thì anh T không đưa lương cho tôi nữa. Anh T thường có những lời nói, hành động tán tỉnh những người phụ nữ khác, tôi đã cho anh T rất nhiều cơ hội nhưng không có kết quả.

Ngày 20.10.2019 tôi và anh T ra quán cafe để nói chuyện, anh T muốn níu kéo nhưng do tôi không còn tình cảm với anh T nên tôi không đồng ý, anh T đã nói nếu tôi không rút đơn ly hôn thì anh T sẽ tạt axit tôi.

Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh T.

- **Về con chung:** Chúng tôi có 02 con chung là Vũ K N, sinh ngày 26.10.2001 và Vũ N A, sinh ngày 10.12.2003. Ly hôn tôi có nguyện vọng nuôi cháu N A, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng. Cháu Vũ K N đã trưởng thành, việc ở với ai do cháu tự quyết định.

- **Về tài sản chung và nhà ở chung:** Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ:** Chúng tôi không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra tôi không có yêu cầu gì khác.

**** Bị đơn là anh Vũ V T trình bày:***

Về thời gian kết hôn tôi nhất trí với phần trình bày của chị N, quá trình chung sống vợ chồng tôi sống hạnh phúc. Việc chị N trình bày tôi có quan hệ với người phụ nữ khác thì đó đã là quá khứ cách đây hơn 10 năm, tôi đã chuyển công tác và xin lỗi vợ tôi.

Về những mâu thuẫn vợ chồng như chị N đưa ra tôi xác nhận: tôi có giấu khóa xe máy của chị N vì muốn những ngày cuối tuần chị N dành thời gian cho gia đình; ngày 20.10.2019 khi vợ chồng nói chuyện về việc ly hôn, tài sản tôi đã bức xúc nên đã dọa tát axit chị N. Từ tháng 8.2019 đến nay do Công ty thay đổi chế độ trả lương nên chưa nhận được lương để đưa cho vợ. Tôi có không có quan hệ với người phụ nữ khác, từ Tết năm 2019 đến nay tôi luôn dành thời gian cho gia đình. Tôi vẫn còn yêu vợ và thương các con nên tôi không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng tôi được đoàn tụ. Đến nay tôi không có tài liệu, chứng cứ gì nộp cho Tòa án.

- **Về con chung:** Tôi xác nhận có hai con chung như chị N trình bày. Trong trường hợp ly hôn, tôi đồng ý để chị N nuôi cháu N A, tôi tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng. Tôi đề nghị Tòa án không ghi ý kiến của cháu Nam để không ảnh hưởng đến tâm sinh lý của cháu.

- **Về tài sản chung và nhà ở chung:** Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ:** Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

* Nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày và không thỏa thuận được với nhau để giải quyết vụ án.

* Bị đơn xác nhận không mời luật sư Trần Phương Anh tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp tại phiên tòa nữa.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa có quan điểm:**

- *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Chị Phan H N và anh Vũ V T kết hôn hợp pháp, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, có những lời nói đe dọa, hành động cấm đoán không tôn trọng chị N. Như vậy mâu thuẫn giữa chị Phan H N và anh Vũ V T đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Phan H N được ly hôn anh Vũ V T. Về con chung: xác nhận anh chị có 02 con chung là Vũ K N, sinh ngày 26.10.2001 và Vũ N A, sinh ngày 10.12.2003. Giao

chị N nuôi cháu N A, ghi nhận sự tự nguyện anh T cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng. Cháu Vũ K N đã trưởng thành nên việc ở với ai do cháu tự quyết định. Về tài sản và nhà ở chung, về vay nợ chung: chị Phan H N và anh Vũ V T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí, chị Phan H N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Vũ V T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại thời điểm chị Phan H N khởi kiện tranh chấp ly hôn với anh Vũ V T, anh T đang cư trú tại số 37 ngõ 2A đường Nguyễn Hồng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Do đó, Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội đã thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền về lãnh thổ và loại việc quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Hôn nhân giữa chị Phan H N và anh Vũ V T là hôn nhân hợp pháp. Qua lời khai của chị Phan H N và anh Vũ V T thể hiện quá trình chung sống năm 2009 anh T đã có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác khiến vợ chồng sống không hạnh phúc. Sau đó chị N đã cho anh T cơ hội để quay về hàn gắn tình cảm vợ chồng và cùng xây dựng gia đình. Tuy nhiên, anh T có những lời nói không tôn trọng chị N, ngăn cản chị N ra ngoài xã hội khiến vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng. Quá trình hòa giải tại Tòa án anh T có nguyện vọng đoàn tụ nhưng chưa có biện pháp cải thiện tình cảm vợ chồng, mặt khác anh T tiếp tục có những lời nói đe dọa đối với chị N.

Qua xác minh ở địa phương tại biên bản làm việc ngày 11.10.2019 đại diện tổ dân phố đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định pháp luật để giải quyết.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Phan H N và anh Vũ V T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài hai bên đã có thời gian để cải thiện tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình quyết định cho chị Phan H N được ly hôn anh Vũ V T.

- Về con chung: Xác nhận chị Phan H N và anh Vũ V T có 02 con chung là Vũ K N, sinh ngày 26.10.2001 và Vũ N A, sinh ngày 10.12.2003. Căn cứ trên

nguyện vọng của chị N và ý kiến của anh T, Hội đồng xét xử quyết định giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ N A, ghi nhận sự tự nguyện của anh T cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng. Cháu Vũ K N đã trên 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Vũ V T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

- Về tài sản, công nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Chị Phan H N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số 9168 ngày 13.9.2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa. Anh Vũ V T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

- Chị Phan H N, anh Vũ V T có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, Khoản 4 Điều 147, Điều 227; Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Phan H N đối với anh Vũ V T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan H N được ly hôn anh Vũ V T.

2. Về con chung: Xác nhận chị Phan H N và anh Vũ V T có hai con chung là Vũ K N, sinh ngày 26.10.2001 và Vũ N A, sinh ngày 10.12.2003. Giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ N A, ghi nhận sự tự nguyện của anh T cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 11.2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của Tòa án. Cháu Vũ K N đã trên 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Vũ V T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản, công nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí:

- Chị Phan H N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số 9168 ngày 13.9.2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa.

- Anh Vũ V T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Phan H N, anh Vũ V T. Chị Phan H N, anh Vũ V T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án NDTP Hà Nội;
- VKSND quận Đống Đa;
- Chi cục THADS quận Đống Đa;
- UBND phường A, quận Ba Đình,
TP Hà Nội (cơ quan đăng ký kết hôn ngày
21.12.1999);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Việt Nga (Đã ký)